

日本語・ベトナム語・ネパール語・フィリピン語・韓国語

ごみの出し方 ガイドブック

Sách hướng dẫn cách vứt rác
फोहोर व्यवस्थापन तरिका गाइडबुक
Paraan ng Pagtatapon ng Basura Guidebook
쓰레기 분리배출 가이드북

しずおか し あおい く する が く
静岡市葵区 (安倍6地区を除く) ・ 駿河区

Quận Aoi (trừ 6 khu vực Abe) và quận Suruga của thành phố Shizuoka
शजिओका नगर आओई वार्ड (आबे ६ जलिला बाहेक) ・सुरुगा वार्ड
Shizuoka City Aoi Ward (hindi kasama ang Abe 6 district) / Suruga Ward
시즈오카시 아오이구 (아베 6지구 제외) ・스루가구

- ごみ分別アプリ配信中！●ごみの出し方や分別方法、静岡市からの最新のお知らせなどを確認できます。
- ダウンロードはこちらの二次元コードから行ってください。
- Ứng dụng phân loại rác đang được phát hành! ●Bạn có thể xác nhận cách vứt rác, phương pháp phân loại rác và thông báo mới nhất, v.v... từ thành phố Shizuoka. ●Vui lòng quét mã QR tại đây để tải xuống.
- फोहोर छुट्याउने एप अब उपलब्ध छ। ●फोहोर व्यवस्थापन तरिका तथा फोहोर छुट्याउने वर्धिर शजिओका नगरको नयाँ सूचना लगाएतका जानकारीहरु थाहा पाउन सक्नुहुन्छ। ●कृपया यो QR कोड प्रयोग गरेर डाउनलोड गर्नुहोस्।
- Available na ang app sa paghihiwalay ng basura! ●Maaari mong suriin ang paraan ng pagtatapon ng basura, paraan ng paghihiwalay nito, at ang mga pinakabagong impormasyon mula sa Shizuoka City, at iba pa. ●Mangyaring i-download mula sa QR code na ito.
- 쓰레기 분리수거 앱 다운로드 가능! ●쓰레기 분리수거, 배출 방법 등 시즈오카시의 최신 정보를 확인할 수 있습니다.
- 이 QR코드로 다운로드할 수 있습니다.

Google Play



App Store



ごみについての問い合わせ先 (日本語のわかる方を通じて問い合わせてください)

しずおか し やく しゅう む か
静岡市役所 収集業務課 ☎ 054-221-1365
ぬま が み しゅう しゅう
沼上収集センター ☎ 054-264-1900

■Nơi liên hệ về rác (Vui lòng liên hệ qua người biết tiếng Nhật)
Ban Nghiệp vụ thu gom rác của trụ sở hành chính thành phố Shizuoka / TEL:054-221-1365
Trung tâm thu gom Numakami / TEL:054-264-1900

■फोहोर सम्बन्धी सोधपुछको लागि सम्पर्क (कृपया जापानी भाषा बुझ्ने व्यक्तिभिरफत सोधपुछ गर्नुहोस्)
शजिओका नगरपालिका सङ्कलन डभिजिन / TEL:054-221-1365
नुमाकामी सङ्कलन केन्द्र / TEL:054-264-1900

■Para sa mga katanungan tungkol sa basura (Mangyaring makipag-ugnayan sa isang taong marunong magsalita ng Japanese)
Shizuoka City Hall Collection Operations Division / TEL:054-221-1365
Numagami Collection Center / TEL:054-264-1900

■쓰레기 관련 문의처(일본어를 아는 사람을 통해 문의해 주십시오)
시즈오카시청 수거업무과 / TEL:054-221-1365
누마가미 수거 센터 / TEL:054-264-1900

ごみの出し方

Cách vứt rác फोहोर व्यवस्थापन तरिका Paraan ng pagtatapon ng basura 쓰레기 분리배출



ごみは分別して決められた日の朝8時30分までに決められた場所に出してください。

Vui lòng phân loại rác và vứt rác đúng nơi quy định trước 8:30 sáng ngày quy định.

कृपया फोहोर छुट्याएर तोकिएको दनिमा बहिन ८:३० बजे भित्र तोकिएको ठाउँमा फालनुहोस्।

Mangyaring paghiwalayin ang inyong mga basura at itapon ito sa itinalagang lokasyon hanggang 8:30 a.m. sa itinakdang araw.
쓰레기는 분리하여 정해진 날 아침 8시 30분까지 지정된 장소에 배출해 주십시오.

ごみは、市指定・認定の半透明袋に入れ、口をしばって出してください。

Vui lòng cho rác vào túi trong mờ được thành phố chỉ định/chứng nhận và buộc chặt miệng túi rồi mới vứt.

कृपया फोहोरलाई नगरले तोकेको र प्रमाणित गरेको अर्ध-पारदर्शी झोलामा हालेर माथि बाँध्न सकेपछि मात्र फालनुहोस्।

Ilagay ang basura sa isang itinalagang translucent na plastic bag ng lungsod at isara ang bag bago ito itapon.
쓰레기는 시 지정·인정 반투명 봉투에 넣어 입구를 묶어 배출해 주십시오.



可燃ごみ

週2回

2 lần/tuần
हप्तामा दुई पटक
Dalawang beses kada linggo
주 2회

Rác đốt được / जलाउन मिल्ने फोहोर / Nasusunog na basura / 가연 쓰레기

生ごみ

Rác nhà bếp

खानाबाट नसिकिएका फोहोर
Nabubulok na basura
음식물 쓰레기



※よく水切りをして出してください。

※Vui lòng để ráo nước rồi mới vứt.

※कृपया राम्रोसँग पानी नकिलेर सुख्खा गरेपछि फालनुहोस्।

※Pakitanggal ng Mabuti ang tubig bago itapon.

※물기를 제거한 후 배출해 주십시오.

プラスチック類

(ポリバケツ、CD、DVD、シャンプー等の容器)

Các loại nhựa

(Xô nhựa, CD, DVD, chai đựng dầu gội, v.v...)

प्लास्टिकका प्रकार

(पोलिसिटर बाल्टन, सीडी, डीभीडी, श्याम्पु लगाएतका कन्टेनर)

Mga uri ng plastik

(Mga plastik na balde, lalagyan para sa mga CD, DVD, shampoo, atbp.)

플라스틱류

(폴리에틸렌 양동이, CD, DVD, 샴푸 등의 용기)



リサイクルできない紙類

(感熱紙、和紙、汚れの付着したもの等)

Các loại giấy không thể tái chế

(Giấy cảm nhiệt, giấy washi, giấy bị bẩn, v.v...)

रसिाइकलिंग गर्न नसकिने कागज

(थर्मल पेपर, जापानी पेपर, फोहोर लागेका वस्तुहरू आदि)

Papel na hindi maaaring i-recycle

(Mga thermal paper, papel na may dumi, atbp.)

재활용이 불가능한 종이류

(감열지, 일본 종이, 이물질이 부착된 종이 등)



ぬいぐるみ、衣類

Thú nhồi bông, các loại vải

आकर्षक खेलौना, लुगाफाटा

Mga stuffed toy, damit

봉제인형, 의류



皮革製品

(バッグ、くつ、ランドセルなど)

Sản phẩm bằng da

(Túi xách, giày dép, ba lô, v.v...)

छालाका उत्पादित सामानहरू

(झोला, जुता, बच्चाको ब्याग आदि)

Mga produktong gawa sa balat

(Mga bag, sapatos, randoseru (school bag), atbp.)

가죽 제품 (가방, 구두, 란도셀 등)



ゴム製品

(ホース、手袋、輪ゴムなど)

Sản phẩm bằng cao su

(Ống nước, găng tay, dây chun, v.v...)

रबरका उत्पादित सामानहरू

(पाइप, पन्जा, रबर ब्यान्ड आदि)

Mga produktong gawa sa goma

(Mga hose, guwantes, rubber band, atbp.)

고무 제품 (호스, 고무장갑, 고무줄 등)



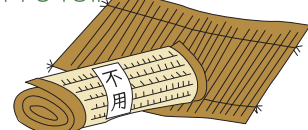
ござ、むしろ類

Chiếu goza, các loại chiếu rơm

मेदरेस लगाएत उत्तै अरू सामानहरू

Mga uri ng straw mat, floor covering

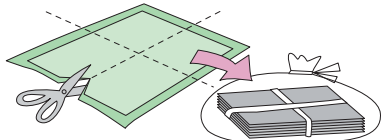
돗자리·명석 종류



じゅうたん、カーペット

Thảm, thảm trải sàn / गलैचा

Carpet / 용단, 카펫



※1m以内に切るかたむ
(1mを超えるものは不燃・粗大ごみへ)

※Cắt hoặc gấp lại thành mảnh có chiều dài không quá 1 m

(Nếu dài hơn 1 m, hãy vứt vào rác không đốt được hoặc rác công kênh)

※१ मटिर भित्रि काटने वा फोल्ड गर्ने

(१ मटिरभन्दा माथिको कुनै पन सामानलाई जलाउन

नसकिने र ठूलो फोहोरको रूपमा वर्गीकृत गरिने।)

※Gupitin o tiklupin ng 1m o mas maikli.

(Ang mga bagay na higit sa 1m ay dapat ilagay sa hindi nasusunog/malalaking basura.)

※1m 이내로 자르거나 접는다

(1m가 넘는 것은 불연·대형 쓰레기)

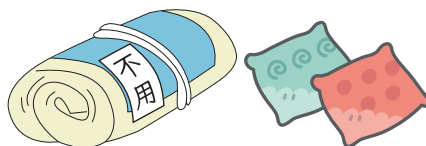
布団類、クッション

Các loại chăn nệm, đệm

ओछयानका प्रकार, कुसन

Mga uri ng futon, mga unan

이불류·쿠션



※しばって出してください。

袋に入るものは極力袋に入れて出してください。

※Vui lòng buộc chặt rồi mới vứt.

Những vật có thể cho vào túi thì hãy cho vào túi nhiều nhất rồi mới vứt.

※कृपया बाँधेर फालनुहोस्।

झोलामा राख्दा खेरि सकेसम्म मिल्ने गरि झोलामा राखेर फालनुहोस्।

※Pakibigkis bago itapon.

Ilagay ang lahat ng maaaring ilagay sa isang plastic bag.

※묶어서 배출해 주십시오.

봉투에 들어가는 것은 최대한 넣어서 배출해 주십시오.

庭木、植木など

Cây cảnh, cây trồng, v.v... / बाँचाका रूखहरू, बरुवाहरू आदि।

Mga puno sa hardin, halaman, atbp. / 정원수, 분재 등



※木の幹や枝葉は長さ1m以内、太さ直径20cm以内に

にして必ずしばるか、袋に入れてください。

1回に10袋、10束以内。土は極力ふるい落として

ください。

※Thân cây và cành cây phải được cắt thành đoạn không dài quá 1m,

đường kính không quá 20cm và phải buộc chặt hoặc cho vào túi.

Mỗi lần vứt tối đa 10 túi hoặc 10 bó. Hãy loại bỏ đất nhiều nhất

có thể.

※रूखका हाँगा, हाँगा र पातहरू १ मटिर लम्बाइ र २० सेन्टिमिटर

व्यास भित्रि राख्नु पर्छ र बाँध्ने अनि झोलामा राख्नुहोस्।

एक पटकमा १० वटा झोला, १० बन्डलसम्म। सकेसम्म सबै

माटो नकाल्नुहोस्।

※Gawing 1m pababa ang haba ng mga puno, sangay, at dahon at

20cm ang lapad at itali o ilagay sa isang plastic bag.

10 plastic bag o mas mababa, o 10 tali lamang sa isang tapunan.

Mangyaring tanggalin ang anumang lupa hangga't maari.

※나무의 줄기, 가지, 잎은 길이 1m 이내, 두께 지름 20cm

이내로 만들어, 반드시 묶거나 봉투에 넣어 주십시오.

1회에 봉투 10개, 10묶음 이내. 흙은 최대한 제거해 주십시오.

不燃・粗大ごみの申し込み方法

Cách đăng ký thu gom rác không đốt được/rác cồng kềnh / जलाउन नसकनि र ठूलो फोहोरको आवेदन वधि
Paraan ng pag-aapply ng pagtatapon ng hindi nasusunog/malalaking basura / 불연·대형 쓰레기 신청 방법

申し込み期限

Thời hạn đăng ký / आवेदन सीमा / Deadline ng aplikasyon / 신청 기한

◆収集日の1週間(前の週の同じ曜日)まで

Trước ngày thu gom 1 tuần (cùng ngày trong tuần trước đó) / सङ्कलन मतिको एक हप्ता अगाडि सम्म (अघिल्लो हप्ताको सोही दिन)
Hanggang isang linggo bago ang petsa ng koleksyon (parehong araw ng nakaraang linggo) / 수거일 일주일 전(전주의 같은 요일)까지

申込期限を過ぎますと直近の収集日の受け付けができなくなり次回以降の収集日となりますので、お申し込みはある程度余裕をもってお願いします。

Nếu quá thời hạn đăng ký, sẽ không thể tiếp nhận yêu cầu cho ngày thu gom gần nhất mà sẽ được chuyển sang ngày thu gom từ lần tiếp theo, vì vậy vui lòng đăng ký sớm.
आवेदन सीमा सक्रिय नजिकको सङ्कलन मितिमा फाल्ने नसकनि हुन्छ र अर्को सङ्कलन मितिमा पर्छ भएकाले सकेसम्म समय मलिएर आवेदन दनुहोस्।
Kapag lumipas na ang deadline ng aplikasyon, hindi na pwedeng tumanggap ng aplikasyon para sa papalapit na araw ng koleksyon, at ang susunod na koleksyon ng basura ay magiging sa susunod na pinakamalapit na petsa ng koleksyon o mas higit pa, kaya mag-apply nang maaga.
신청 기한이 지나면 가장 가까운 수거일 접수가 불가능하여 그 이후의 수거일에 수거하기 때문에 여유를 가지고 신청해 주시기 바랍니다.

申し込みできる量

Số lượng có thể đăng ký / आवेदन दिन सकिने मात्रा / Bilang ng basura na pwedeng i-apply / 신청 가능한 양

◆月に1回、7点以内でお願いします。

Vui lòng đăng ký 1 lần/tháng, tối đa 7 món. / महिनामा एक पटक, ७ वटा सम्म मात्र पेश गर्नुहोस्।
Mag-apply ng 7 item pababa, isang beses kada buwan. / 월 1회, 7개 이내로 부탁드립니다.

1点からでもお申し込みできますが、指定袋1点の場合は目安として最低20リットル程度まで溜めてからお申し込みください。

Bạn có thể đăng ký ngay cả với 1 món, nhưng nếu là 1 túi rác quy định, vui lòng để đống rác lại khi được ít nhất khoảng 20 lít rồi hãy đăng ký.

एउटा मात्र वस्तुको लागि आवेदन दिन सक्नुहुन्छ, तर तोकिएको झोला एउटा मात्र भएमा अनुदाजी कमसेकम २० लटरिसम्म भएपछि आवेदन दनुहोस्।

Maaari mag-apply kahit 1 item lang. Sa panahon na 1 item ng itinalagang bag lang ang ia-apply, bilang standard, punan ito ng hindi bababa sa 20 litro bago mag-apply.

1개도 신청이 가능하지만, 지정된 봉투 1개를 신청할 경우에는 최소 20L 정도까지 채워서 신청해 주십시오.

電話による申し込み

Đăng ký qua điện thoại / फोनबाट आवेदन दिन
Aplikasyon gamit ang telepono / 전화 신청

1 不燃・粗大ごみ受付センターに電話をかけてください。(日本語でお願いします)

Vui lòng gọi đến Trung tâm tiếp nhận rác không đốt được/rác cồng kềnh. (Vui lòng nói bằng tiếng Nhật)

कृपया जलाउन नसकनि ठूलो फोहोर रशिपसन केन्द्रमा कल गर्नुहोस्। (कृपया जापानी भाषामा बोलनुहोस्)

Tumawag sa Non-burnable Oversized Garbage Reception Center. (Mangyaring magsalita ng Japanese)

불연·대형 쓰레기 접수 센터로 전화해 주십시오. (일본어로 부탁드립니다)



0120-532-471



2 あなたの電話番号・住所・氏名・ごみの品目・点数・出す場所などを教えてください。

Vui lòng cho biết số điện thoại, địa chỉ, họ tên, loại rác, số lượng rác và nơi vứt rác, v.v... của bạn.

कृपया हमीलाई तपाईंको फोन नम्बर, ठेगाना, नाम, फोहोरको प्रकार, फोहोरको संख्या र कहाँ फाल्नु हुन्छ ठाउँ लगाएतका कुराहरू बताउनुहोस्।

Pakisabi sa amin ang iyong numero ng telepono, address, pangalan, uri ng basura, bilang ng mga item, at lugar kung saan ito itatapon.

신청자의 전화번호·주소·이름·쓰레기 품목·개수·배출 장소 등을 알려 주십시오.

3 お申し込みの内容の再確認のうえ、収集日をご案内しますのでご確認ください。

Chúng tôi sẽ xác nhận lại nội dung đăng ký và thông báo ngày thu gom, vì vậy vui lòng xác nhận.

आवेदनको ववरणको पुन जाँच गरेपछि सङ्कलन मतिको बारेमा जानकारी दिन भएकोले जाँच गर्नुहोस्।

Pakikumpirmang muli ang mga detalye ng iyong aplikasyon at ipapaalam namin sa iyo ang petsa ng koleksyon.

신청 내용을 재확인한 다음 수거일을 안내드리니 확인 부탁드립니다.

受付時間

Thời gian tiếp nhận

रशिपसन समय

Oras ng pagatangap ng tawag

접수 시간

月曜日から金曜日(年末年始除く)午前9時から午後7時まで ※祝日(土・日を除く)も受付しています。

Thứ Hai đến thứ Sáu (trừ các ngày cuối năm và đầu năm) 9:00 sáng đến 7:00 tối ※Ngày lễ (trừ thứ Bảy, Chủ nhật) vẫn tiếp nhận.

सोमबार देखि शुक्रबार (नयाँ वर्षको बढि बाहेक) बिहान ९:०० बजे देखि बेलुका ७:०० बजे सम्म ※सार्वजनिक बिदाहरू(शनिबार र आइतबार बाहेक)मा पनि आवेदन स्वीकार गर्दैरहौं।

Lunes hanggang Biyernes (hindi kasama ang katapusan at umpisa ng taon) 9:00 a.m. hanggang 7:00 p.m. ※Tumatanggap din kami ng

mga aplikasyon tuwing pista opisyal (hindi kasama ang Sabado at Linggo).

월요일부터 금요일(연말연시 제외) 오전 9시부터 오후 7시까지 ※축일(토·일요일 제외)도 접수를 받습니다.

インターネットによる申し込み

Đăng ký qua Internet / इंटरनेट माफ्त आवेदन दिन
Aplikasyon gamit ang internet / 인터넷 신청

1 申込専用Webサイトにアクセスしてください。(日本語対応のみです)

Vui lòng truy cập trang web chuyên dụng để đăng ký. (Chỉ hỗ trợ tiếng Nhật)

आवेदन वेबसाइटमा गएर गर्नुहोस्। (जापानी मात्र)

Paki-access ang application website. (Naka-Japanese lang)

신청 전용 웹사이트에 접속해 주십시오. (일본어만 가능합니다)

<https://gomi.city.shizuoka.jp/>



2 画面の指示に従って入力をしてください。

Vui lòng nhập thông tin theo hướng dẫn trên màn hình. / अन-सक्रनि नरिदेशनहरूको पालना गरेर ववरणहरू भरनुहोस्।

I-type ang mga impormasyon ayon sa mga tagubilin sa screen. / 화면의 지시에 따라 입력해 주십시오.

注意事項

Mục cần chú ý

ध्यान दिनु परने कुराहरू

Mga pag-iingat

주의사항

インターネットに品目がない場合は、電話で申し込みをしてください。

Nếu không tìm thấy mục cần đăng ký trên Internet, hãy đăng ký qua điện thoại.

इन्टरनेटमा सामानको नाम उपलब्ध नभएको बेलामा, कृपया फोन माफ्त आवेदन गर्नुहोस्।

Kung wala ang item sa nakalagay sa internet, mag-apply gamit ang telepono.

인터넷에 품목이 없는 경우는 전화로 신청해 주십시오.

びん・缶・なべ・やかん類の日用品

月1回

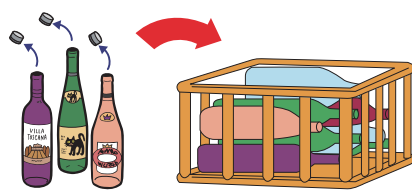
1 lần/tháng
महिन्या एक पटक
Isang beses kada buwan
월 1회

Đồ dùng hằng ngày như chai, lon, nồi, ấm đun nước / बोटल, क्यान, भाँडा, कटिली र अन्य दैनिक आवश्यकताहरू
Pang-araw-araw na gamit tulad ng mga uri ng bote, lata, kaldero, at takure / 병·캔·냄비·주전자류 등 일용품

びん

Chai, lo
बोटल
Bote
병

必ずキャップは外してください。
Vui lòng đảm bảo tháo nắp ra.
अवश्य वरिکو नकिलनुहोस्।
Tanggapin ang takip.
반드시 뚜껑을 제거해 주십시오.



黄色のコンテナへ
Cho vào thùng đựng màu
vàng
पहेलो कन्टेनरमा
Sa dilaw na lalagyan
노란색 컨테이너박스에

横にねかせてください。
Hây đặt nằm ngang.
यसलाई यता तरि सुताउनुहोस्।
Ilagay ng patihaya.
옆으로 눕혀 주십시오.

●外れにくいキャップは取り外さなくても構いません。●プラスチック製のキャップは燃えるごみの日に、金属製のキャップは缶を入れる袋に入れて出してください。●中を簡単に水洗いして出してください。●割れたびん、化粧品びん、耐熱ガラス、ほ乳びんは不燃・粗大ごみにだしてください。

●Những nắp khó tháo thì không cần phải tháo. ●Vui lòng vứt nắp nhựa vào ngày thu gom rác đốt được, còn nắp kim loại thì cho vào túi đựng lon rồi mới vứt. ●Vui lòng súc rửa sơ bên trong với nước rồi mới vứt. ●Vui lòng vứt chai vỡ, chai mỹ phẩm, thủy tinh chịu nhiệt và bình sữa trẻ em vào rác không đốt được/rác công kênh.

●नकिलनुहोस्। ●फुटेका बोटलहरू, कस्मेटिका बोटलहरू, ताप प्रतिरोधी गिलास र बच्चाका बोटलहरूलाई जलाउन नसकिने ठूलो फोहोरको रूपमा फालनुहोस्।
●भत्ति पानीले पखालेर फालनुहोस्। ●फुटेका बोटलहरू, कस्मेटिका बोटलहरू, ताप प्रतिरोधी गिलास र बच्चाका बोटलहरूलाई जलाउन नसकिने ठूलो फोहोरको रूपमा फालनुहोस्।

●Hindi kailangang tanggalin ang takip na mahirap tanggalin. ●Ang mga plastik na takip ay dapat itapon bilang nasusunog na basura, at ang mga takip ng metal ay dapat itapon sa isang bag para sa lata. ●Hugasan lamang ng tubig ang loob at itapon. ●Itapon ang mga basag na bote, mga kosmetikong bote, mga baso o garapon na heat-resistant, at mga bote ng sanggol bilang malalaking basura.

●제거하기 어려운 뚜껑은 그대로 두어도 괜찮습니다. ●플라스틱 뚜껑은 가연 쓰레기 버리는 날에, 금속 뚜껑은 캔을 넣는 봉투에 모아서 배출해 주십시오. ●안을 간단히 헹구서 배출해 주십시오. ●깨진 병, 화장품 병, 내열 유리, 젖병은 불연·대형 쓰레기로 배출해 주십시오.

缶

Lon / क्यान / Lata / 캔

●中を簡単に水洗いして出してください。●静岡市指定・認定ごみ袋に入れて出してください。

●Vui lòng súc rửa sơ bên trong với nước rồi mới vứt. ●Vui lòng cho vào túi rác được thành phố Shizuoka chỉ định/chứng nhận rồi mới vứt.

●भत्ति पानीले पखालेर फालनुहोस्। ●शुजिओका नगरबाट तोकिएको र प्रमाणित फोहोरको झोलामा राखेर फालनुहोस्।

●Hugasan lamang ng tubig ang loob at itapon. ●Ilagay at itapon ang basura sa itinalagang bag ng basura ng lungsod ng Shizuoka.

●안을 간단히 헹구서 배출해 주십시오. ●시즈오카시 지정·인정 쓰레기봉투에 넣어 배출해 주십시오.



スプレー缶

Bình xịt / स्प्रे क्यानहरू / Lata ng spray / 스프레이 캔

●必ず中身を使い切ってください。●穴を開けずに、中の見える袋に入れ、袋に「スプレー缶」と表示して出してください。●他の缶と混ぜないでください。

●Vui lòng đảm bảo sử dụng hết bên trong. ●Vui lòng không đục lỗ, cho vào túi có thể nhìn thấy bên trong và ghi rõ "スプレー缶(Bình xịt)" lên túi.

●Vui lòng không để lẫn với các lon khác.

●नश्वित रूपमा भत्तिरका सबै प्रयोग गर्नुहोस्। ●कुनै पवाल नपारी पारदर्शी झोलामा राखेर झोलामा "सुप्रे-क्यान" (स्प्रे क्यान) लेखेको देखिने गरि फालनुहोस्।

●अन्य क्यानहरूसँग नमसिउनुहोस्।

●Siguraduhing gamitin ang lahat ng nilalaman. ●Ilagay ito sa isang bag na nakikita ang laman nang hindi gumagawa ng anumang mga butas, at markahan at itapon ang bag bilang "सुप्रे-क्यान" (Lata ng Spray). ●Huwag ihalo sa ibang mga lata.

●반드시 내용물을 다 사용하여 주십시오. ●구멍을 뚫지 말고 안이 보이는 봉투에 넣어 봉투에 "스프레-캔(스프레이 캔)"이라고 표시한 다음 배출해 주십시오.

●다른 캔과 섞이지 않게 해 주십시오.



穴開け不要

なべ・やかん類の日用品

Đồ dùng hằng ngày các loại như nồi, ấm đun nước / भाँडा र कटिली लगाएत अन्य घरायसी सामानहरू
Pang-araw-araw na kagamitan tulad ng mga kaldero at takure / 냄비·주전자류 등 일용품

●小物の金属製の日用品(電化製品を除く)で、静岡市指定袋・認定袋に入る大きさのものは、資源回収で出すことができます。

●Những đồ dùng hằng ngày nhỏ bằng kim loại (ngoại trừ sản phẩm điện tử) có kích thước vừa với túi quy định/túi được công nhận của thành phố Shizuoka, có thể được vứt theo diện thu hồi rác tài nguyên.

●शुजिओका नगरले तोकिएको र प्रमाणित झोलाहरूको आकारमा फिट हुने साना धातुका घरायसी सामानहरू (वैद्युतीय उपकरणहरू बाहेक) पुनः प्रयोग गर्न मिल्ने वस्तुहरूको रूपमा सङ्कलन गर्न सकिन्छ।

●Ang mga maliliit na bagay na gawa sa metal na pang-araw-araw na kagamitan (hindi kasama ang mga electrical appliances) na maaaring magkasya sa itinalagang bag ng basura ng lungsod ng Shizuoka ay maaaring itapon at kolektahin bilang mga recyclable.

●작은 금속제 일용품(전기제품 제외) 가운데 시즈오카시 지정·인정 봉투에 들어가는 크기는 재활용 수거로 배출할 수 있습니다.

やかん	なべ	ポウル	オタマ
Ấm đun nước कटिली Takure 주전자	Nồi भाँडा Palayok 냄비	Tô कचौरा Mangkok 그릇	Vá múc canh पन्नु Sandok 국자
			
スプーン・フォーク	フライパン	針金ハンガー	
Muỗng, nĩa चमचा र काँटा Kutsara / tinidor 숟가락·젓가락	Chảo rán फ्राइड प्यान Kawali 프라이팬	Móc treo bằng dây kim loại तार ह्याङ्गर Metal na hanger 철사 옷걸이	
			

静岡市指定・認定ごみ袋に入れて出す！

Cho vào túi rác được chỉ định/chứng nhận của thành phố Shizuoka rồi vứt!
शुजिओका नगरबाट तोकिएको र प्रमाणित फोहोरको झोलामा राखेर बाहिर फालनुहोस्!

Ilagay at itapon itinalagang bag ng basura ng lungsod ng Shizuoka!
시즈오카시 지정·인정 쓰레기봉투에 넣어서 배출한다!



資源回収に出せないもの

Vật dụng không thể vứt theo diện thu hồi rác tài nguyên / पुनः प्रयोग गर्न मिल्ने सामानमा फालन नसकिने वस्तुहरू
Mga item na hindi pwedeng itapon o kolektahin bilang recyclable / 재활용 수거가 불가능한 품목

化粧品のびん	割れたびん	刃物類
Chai mỹ phẩm कस्मेटिक बोटलहरू Bote ng kosmetiko 화장품 병 	Chai vỡ फुटेका बोटल Basag na bote 깨진 병 	Các vật sắc nhọn कटलरी Kubyertos 날붙이류 
瀬戸物類	蛍光灯・電球	
Đồ gốm sứ माटोको भाँडाका प्रकार Chinaware 도자기류 	Đèn huỳnh quang, bóng đèn tròn फ्लोरोसेन्ट बत्ती र (अन्य) बत्तीहरू Fluorescent na ilaw / bombilyang ilaw 형광등·전구 	

不燃・粗大ごみで出してください。

Vui lòng vứt theo phân loại rác không đốt được/rác công kênh.

जलाउन नसकिने ठूलो फोहोरको रूपमा फालनुहोस्।

Itapon ito bilang hindi nasusunog na malalaking basura.

불연·대형 쓰레기로 배출해 주십시오.

収集日程表

Bảng lịch trình thu gom सङ्कलन तालिका Iskedyul ng koleksyon 수거 일정표

あなたの地域の収集日は、下記のとおりです。(日本語のわかる方に日本語版をみて記入してもらうようお願いします。)

Ngày thu gom tại khu vực của bạn như sau. (Vui lòng nhờ người biết tiếng Nhật xem bản tiếng Nhật và điền thông tin.)

तपाईंको क्षेत्रको लागि संकलन दिनेहरू नमिनानुसार छन्: (कृपया जापानी भाषा बुझ्ने व्यक्तिलाई जापानी संस्करण हेरेर फारम भर्न लगाउनुहोस्।)

Ang mga araw ng koleksyon para sa iyong lugar ay ang mga sumusunod. (Mag-request sa isang taong nakakaintindi ng Japanese na tingnan ang Japanese version at punan ang form.)

당신의 거주 지역의 수거일은 다음과 같습니다. (일본어를 아는 사람에게 일본어판을 보고 기입을 부탁하기 바랍니다)

可燃ごみ

週2回

2 llin/tuain
हफ्तामा दुई पटक
Dalawang beses kada linggo
주 2회

Rác đốt được / जलाउन मिल्ने फोहोर / Nasusunog na basura / 가연 쓰레기

月 Hai सोम Lunes 월	火 Ba मंगल Martes 화	水 Tur बुध Miyerkules 수	木 Nam बही Huwebes 목	金 Sáu शुक्र Biyernes 금	土 Bây शनिवार Sabado 토

※あなたの可燃ごみの収集日は、○印のついた日です。

※Ngày thu gom rác đốt được của bạn là ngày được đánh dấu ○. ※तपाईंको जलाउन मिल्ने फोहोर संकलन गर्ने दिन ○ अंकित दिन हो।

※Ang araw ng koleksyon ng iyong nasusunog na basura ay ang araw na minarkahan ng ○. ※가연 쓰레기 수거일은 ○가 표시된 날입니다.

不燃・粗大ごみ

月1回

1 llin/tháng
महनिमा एक पटक
Isang beses kada buwan
월 1회

Rác không đốt được/rác công kênh / जलाउन नसकिने र ठूलो फोहोर
Hindi nasusunog/malalaking basura / 불연·대형 쓰레기

月 Tháng महनि Buwan 월	4 月 Tháng 4 अप्रिल Abril 4월	5 月 Tháng 5 मे Mayo 5월	6 月 Tháng 6 जुन Hunyo 6월	7 月 Tháng 7 जुलाई Hulyo 7월	8 月 Tháng 8 अगस्ट Agosto 8월	9 月 Tháng 9 सेप्टेम्बर Setyembre 9월	10 月 Tháng 10 अक्टोबर Oktubre 10월	11 月 Tháng 11 नोभेम्बर Nobyembre 11월	12 月 Tháng 12 डिसिम्बर Disyembre 12월	1 月 Tháng 1 जनवरी Enero 1월	2 月 Tháng 2 फेब्रुअरी Pebrero 2월	3 月 Tháng 3 मार्च Marso 3월
日 Ngày दिने araw 일												

びん・缶

月1回

1 llin/tháng
महनिमा एक पटक
Isang beses kada buwan
월 1회

Chai lọ, lon / बोटल र क्यानहरू / Bote/Lata / 병·캔

月 Tháng महनि Buwan 월	4 月 Tháng 4 अप्रिल Abril 4월	5 月 Tháng 5 मे Mayo 5월	6 月 Tháng 6 जुन Hunyo 6월	7 月 Tháng 7 जुलाई Hulyo 7월	8 月 Tháng 8 अगस्ट Agosto 8월	9 月 Tháng 9 सेप्टेम्बर Setyembre 9월	10 月 Tháng 10 अक्टोबर Oktubre 10월	11 月 Tháng 11 नोभेम्बर Nobyembre 11월	12 月 Tháng 12 डिसिम्बर Disyembre 12월	1 月 Tháng 1 जनवरी Enero 1월	2 月 Tháng 2 फेब्रुअरी Pebrero 2월	3 月 Tháng 3 मार्च Marso 3월
日 Ngày दिने araw 일												

缶などを独自に回収しているスーパーマーケット等があります。ご利用の際は、各店舗の出し方に従って出してください。

Một số siêu thị, v.v... có tự cung cấp dịch vụ thu hồi lon, v.v... Khi sử dụng, vui lòng vớt theo hướng dẫn của từng cửa hàng.

आफैले क्यान र अन्य वस्तुहरू सङ्कलन गर्ने सुपरमार्केट र अन्य व्यवसायहरू पनि संचालति छन्। प्रयोग गर्ने बेलामा कृपया प्रत्येक पसलको नरिदेशनहरू अनुसार फालनुहोस्।

Ang ilang mga supermarket ay nangongolekta ng mga lata at iba pang mga bagay. Kapag ginamit ang produkto, itapon ito ayon sa mga tagubilin ibinigay sa bawat tindahan.

캔 등을 독자적으로 수거하는 슈퍼마켓 등이 있습니다. 이용할 때는 각 점포의 배출 방법에 따라 주시기 바랍니다.



令和 7 年 3 月作成